

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23050686	Chu Thúy An	6.9.2005			
2	22010072	Vũ Thu An	4.11.2004			
3	21062005	Hoàng Diệp Anh	26.2.2003			
4	22050021	Hoàng Ngọc Diệu Anh	10.4.2004			
5	23063005	Khuất Phương Anh	10.4.2005			
6	22010281	Lại Quế Anh	22.5.2003			
7	21063006	Lê Ngọc Phương Anh	28.12.2003			
8	22010380	Lê Thị Châu Anh	27.6.2004			
9	21061326	Nguyễn Hải Anh	29.1.2003			
10	21070218	Nguyễn Mai Anh	1.10.2003			
11	20010886	Nguyễn Thị Hà Anh	20.12.2002			
12	21010024	Nguyễn Thị Lan Anh	10.12.2003			
13	22010283	Nguyễn Thị Ngọc Anh	15.6.2004			
14	21051090	Nguyễn Thị Phương Anh	26.7.2003			
15	23050695	Nguyễn Tuệ Anh	19.4.2005			
16	22061032	Nguyễn Văn Anh	21.11.2004			
17	23063017	Phạm Thị Mai Anh	25.8.2005			
18	21070215	Trần Doãn Đức Anh	21.10.2003			
19	23051510	Trần Thuỳ Anh	12.10.2005			
20	22064007	Nguyễn Thanh Bình	14.7.2004			
21	20063025	Phạm Thị Linh Chi	12.4.2002			
22	20063029	Trương Thị Thu Cúc	10.10.2002			

Danh sách này có: sinh viên Số dự thi:

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

Nguyễn Quỳnh Hoa

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	21031983	Đinh Thuý Dương	9.9.2003			
2	21010063	Trần Thuý Dương	17.11.2003			
3	20063033	Nguyễn Thị Duyên	18.3.2002			
4	21050628	Phạm Minh Hà	5.12.2003			
5	21070127	Nguyễn Minh Hằng	20.10.2003			
6	22051047	Nguyễn Huy Hoàng	3.8.2004			
7	22010449	Tổng Kim Hoàng	6.5.2003			
8	22051415	Lê Quang Hưng	5.12.2004			
9	21010114	Nguyễn Thu Hương	7.8.2003			
10	22010346	Phạm Quỳnh Hương	8.6.2004			
11	20070494	Trần Thị Lý Hương	14.7.2002			
12	23064039	Lê Khánh Huyền	13.12.2005			
13	21063070	Nguyễn Khánh Huyền	11.5.2003			
14	21061153	Phạm Thị Lan	27.5.2003			
15	22010693	Hoàng Nguyễn Khánh Linh	5.9.2004			
16	21010587	Mai Thùy Linh	16.3.2002			
17	23061282	Nguyễn Ngọc Linh	15.11.2005			
18	22010253	Nguyễn Thị Diệu Linh	29.12.2004			
19	20010140	Phạm Thị Phương Linh	5.6.2002			
20	22010741	Thân Diệu Linh	13.11.2004			
21	22010508	Trịnh Diệu Linh	30.11.2004			
22	22051118	Nguyễn Hương Ly	6.2.2004			

Danh sách này có: sinh viên Số dự thi: Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

Nguyễn Quỳnh Hoa

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22010040	Nguyễn Phương Ly	4.9.2004			
2	21070421	Nguyễn Thị Minh Lý	21.9.2003			
3	22051746	Nguyễn Thị Mai	27.7.2004			
4	22063112	Nguyễn Thị Hồng Mai	16.11.2004			
5	23010677	Nguyễn Hải My	24.6.2005			
6	21063098	Nguyễn Trần Trà My	17.5.2003			
7	21063103	Phan Thị Kim Ngân	17.12.2003			
8	21100254	Nguyễn Bảo Ngọc	4.12.2003			
9	22010359	Nguyễn Hồng Ngọc	18.11.2004			
10	20051323	Nguyễn Lê Vân Ngọc	14.11.2002			
11	22050241	Tổng Minh Ngọc	15.11.2004			
12	22030506	Hoàng Nguyên Phương	26.12.2004			
13	22010416	Nguyễn Trần Hiền Phương	30.7.2003			
14	22010051	Bùi Minh Quân	5.12.2004			
15	20050690	Đinh Xuân Quỳnh	26.12.2002			
16	21061242	Nguyễn Thị Quỳnh	23.8.2003			
17	20063143	Trần Trúc Quỳnh	2.6.2002			
18	23051408	Phạm Văn Hồng Tấn	5.8.2005			
19	23063205	Chu Minh Thắng	30.6.2005			
20	21061269	Lê Quang Thắng	28.11.2003			
21	22030449	Vũ Thị Ninh Thanh	9.2.2004			
22	22010517	Nguyễn Văn Thành	15.10.2004			

Danh sách này có: sinh viên Số dự thi:

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

Nguyễn Quỳnh Hoa

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22010267	Đinh Thị Thu Thảo	8.9.2004			
2	21051014	Nguyễn Thị Phương Thảo	3.11.2003			
3	22010368	Trần Phương Thảo	18.9.2004			
4	22010473	Võ Phương Thảo	1.2.2004			
5	22062135	Nguyễn Minh Thu	3.5.2004			
6	21063133	Hoàng Thị Bích Thủy	23.1.2003			
7	21061277	Hoàng Thu Thủy	9.11.2003			
8	23062123	Chúc Thị Thu Trang	8.11.2005			
9	22051560	Đoàn Linh Trang	9.4.2004			
10	22051247	Ngô Thị Huyền Trang	29.8.2004			
11	21063146	Nguyễn Thùy Trang	14.10.2003			
12	20010870	Trần Minh Trang	27.9.2002			
13	21051316	Nguyễn Kiều Trinh	3.8.2003			
14	20061307	Nguyễn Minh Trường	13.9.2002			
15	21050349	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	23.3.2003			
16	22030235	Hà Thúy An	23.1.2004			
17	21032271	Đỗ Ngọc Quỳnh Anh	2.11.2003			
18	21032189	Lê Quỳnh Anh	1.6.2003			
19	22030298	Nguyễn Bảo Duy Anh	3.3.2004			
20	20032144	Nguyễn Phan Tú Anh	12.8.2002			
21	20032783	Nguyễn Phương Anh	23.6.2002			
22	22030224	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1.12.2004			

Danh sách này có: sinh viên Số dự thi:

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

Nguyễn Quỳnh Hoa

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	20032588	Nguyễn Trang Anh	27.6.2002			
2	22061035	Phạm Nguyễn Phương Anh	1.11.2004			
3	21002355	Phùng Mai Anh	25.9.2003			
4	21061026	Trịnh Nguyễn Việt Anh	9.2.2003			
5	23030423	Vũ Ngọc Phương Anh	7.1.2005			
6	21031979	Nguyễn Ngọc Ánh	5.4.2003			
7	22001374	Bùi Thị Linh Chi	20.6.2003			
8	21061041	Bùi Thuỳ Chi	28.1.2003			
9	23051189	Phan Nguyễn Ngọc Chi	15.3.2005			
10	20032166	Phạm Thị Ngọc Diệp	1.8.2001			
11	21032291	Nguyễn Anh Đức	13.10.2003			
12	21061067	Phạm Thuỳ Dung	9.4.2003			
13	22000076	Mạc Trí Dũng	24.8.2004			
14	21031626	Nguyễn Bạch Dương	21.5.2003			
15	20070046	Phạm Cao Duy	16.10.2002			
16	22090036	Nguyễn Trường Giang	25.6.2004			
17	21031537	Triệu Ngân Hà	15.9.2003			
18	21032294	Vũ Minh Hà	9.12.2003			
19	20063053	Đỗ Đức Hải	3.9.2002			
20	23030434	Lương Thị Ngọc Hân	23.9.2005			
21	22031007	Cán Thị Mỹ Hạnh	22.10.2004			
22	22010682	Vũ Thục Hiền	26.4.2004			

Danh sách này có: sinh viên Số dự thi:

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

Nguyễn Quỳnh Hoa

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22030257	Nguyễn Thu Hương	17.9.2004			
2	21032219	Đào Thị Minh Huyền	29.1.2003			
3	21030872	Nguyễn Thị Khánh Huyền	15.7.2003			
4	22030310	Phan Lê Phương Linh	26.11.2003			
5	21031097	Quách Thành Long	25.11.2003			
6	21031207	Trần Thảo Ly	4.12.2003			
7	20030299	Nguyễn Quỳnh Mai	6.7.2002			
8	21031212	Trần Thị Phương Mai	8.10.2003			
9	21031770	Nguyễn Hà Minh	18.11.2003			
10	20032546	Đặng Trần Hương Ngân	4.10.2001			
11	20030621	Phí Thị Kim Ngân	19.12.2001			
12	21032234	Đàm Bảo Ngọc	17.2.2003			
13	20032220	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	30.3.2002			
14	21002407	Nguyễn Yên Nhi	20.8.2003			
15	21030441	Đặng Thị Nhung	15.6.2003			
16	23064078	Vương Hữu Phát	16.11.2005			
17	23031376	Đoàn Thị Phương	18.10.2005			
18	23050305	Lưu Thị Khánh Phương	27.4.2005			
19	20030874	Nguyễn Ngọc Phương	20.10.2002			
20	22010363	Nguyễn Thị Thu Phương	6.9.2001			

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI

23031621	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	10.9.2005	Nợ HP
23031640	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	10.7.2005	Nợ HP
21030335	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	2.3.2003	Nợ HP
23031708	Vũ Linh	Nga	6.7.2004	Nợ HP
23031721	Phạm Linh	Nhi	7.11.2005	Nợ HP
21031117	Nguyễn Phương	Trang	30.8.2003	Nợ HP
23031758	Nguyễn Đức Thành	Trung	10.11.2005	Nợ HP
22031429	Nguyễn Hải	My	15.12.2004	K đủ đk dự thi, Nợ HP
21030717	Bùi Phương	Anh	29.01.2003	K đủ ĐK thi NMVN
23030479	Chu Mạnh	Đức	8.10.2005	K đủ ĐK thi NMVN
22031416	Đoàn Thủy	Linh	26.10.2004	K đủ ĐK thi NMVN
22030971	Phạm Thị Yến	Nhi	22.12.2004	K đủ ĐK thi NMVN
21030261	Đới Minh	Tân	20.12.2003	K đủ ĐK thi NMVN
22030465	Nguyễn Đức	Vinh	19.4.2004	K đủ ĐK thi NMVN
20062075	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/1/2002	K đủ ĐK thi NMVN
21030717	Bùi Phương Anh	Anh		K đủ ĐK thi NMVN